

Bản án số: 337/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tốt;

Ông Nguyễn Công Chiêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 441/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn N; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1963 tại: Tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: D Ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe ôm; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1 (chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là bà Nguyễn Thị Chính A và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/7/2024, tạm giam từ ngày 18/7/2024 đến nay.

(Có mặt).

Bị hại: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1991; Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: 525/7/24 L, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Như Quỳnh N2, sinh năm 2002; Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Nơi ở hiện tại: 9/4-9/5 Nguyễn Ảnh T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Anh Trần Trung H, sinh năm: 2004; Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: D, Ấp C, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Phạm Duy B, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh H. Nơi ở hiện tại: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Lương Văn D1, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 55 phút, ngày 10/7/2024, Trần Văn N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 95E1-147.84 đi đến trước địa chỉ số C đường T, Khu phố C, phường T, Quận A và đỗ xe trên lề đường để đợi đón khách đi xe ôm. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bà Võ Thị L điều khiển xe ô tô biển số 51K-372.74, chở con nhỏ tên là Võ Phi L1, sinh năm 2019, ngồi ở hàng ghế phía sau. Tại ghế phụ phía trước, bà L để 01 túi xách màu đen (bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu xanh; 01 bóp (ví) bên trong chứa 02 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 đô la Mỹ). Khi đến tiệm B1, địa chỉ số C đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, bà L đậu xe dưới lòng đường, sát lề đường Trường Chinh, phía trước tiệm B1, rồi mở cửa xe ra ngoài để đi mua đồ ăn sáng, còn con trai vẫn ngồi ở trong xe, bà L không bấm khóa cửa xe ô tô. Khi bà L đang mua đồ ăn sáng thì con trai trèo từ hàng ghế phía sau lên hàng ghế phía trước bên phụ mở cửa xe ô tô chạy đến chỗ bà L nhưng không đóng cửa xe. Lúc này, N đang đậu xe phía bên phải cách xe ô tô trên khoảng 02 mét, ngang hàng với ghế sau xe ô tô thì nhìn thấy trên xe có để 01 túi xách màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. N đi bộ đến cửa trước bên ghế phụ xe ô tô biển số 51K-372.74 đang mở, lén lút lấy trộm túi xách rồi đóng cửa xe lại, điều khiển xe mô tô biển số 95E1-147.84 bỏ đi đến đoạn đường TTN08 thì dừng lại mở túi xách ra kiểm tra thấy bên trong có 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh, 01 (một) ví da, bên trong ví da có 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 USD. Sau đó, N điều khiển xe đi đến tiệm V, địa chỉ số I đường N, xã T, huyện H. Tại đây, N gặp Nguyễn Như Quỳnh N2 là nhân viên bán hàng và hỏi “có mua đồ không?”, thì N2 trả lời là “có” và yêu cầu đưa tiền để xem. Sau khi xem tiền đô la Mỹ thì N2 đồng ý mua mỗi tờ đô la Mỹ với giá tiền là 2.500.000 đồng. N2 đưa cho N 5.000.000 đồng tiền Ngân hàng N3 gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N cất số tiền này vào túi quần rồi điều khiển xe bỏ đi.

Sau khi phát hiện bị chiếm đoạt tài sản, bà L đã liên lạc với chồng là ông Nguyễn Tấn Q đến Công an phường T, Quận A trình báo sự việc, đồng thời mở định vị xác định vị trí tài sản bị chiếm đoạt. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an phường T, Quận A tiến hành truy xét theo định vị điện thoại. Đến khoảng 9 giờ 40 phút cùng ngày, khi N đang điều khiển xe mô tô biển số 95E1-147.84 đến trước địa chỉ số B đường P, xã T, huyện H thì bị Công an phường T, Quận A phối hợp cùng Công an xã T, huyện H kiểm tra phát hiện trên ba ga xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 95E1-147.84 Nhân đang điều khiển có chiếc túi xách màu đen hiệu “CHARLES & KEITH” mà N chiếm đoạt trước đó, bên trong túi xách có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8Plus màu hồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh và 01 ví da bên trong có 4.600.000 đồng nên đưa N cùng vật chứng về trụ sở để làm rõ, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Bản kết luận giám định số 9705/KL-KTHS ngày 20/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận: 02 (hai) tờ tiền với mệnh giá 100 USD cần giám định là tiền thật. Tại công văn số 3049/HCM-QLNHV ngày 29/8/2024, của Ngân hàng N3 chi nhánh Thành phố H xác định, tỷ giá trung tâm của Đ với Đô la Mỹ, áp dụng ngày 10/7/2024 là 01 Đô la Mỹ = 24.247 VND (Hai mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy

Đồng Việt Nam) theo văn bản số 242/TB-NHNN. Hai tờ tiền USD mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 USD có giá trị: 4.849.400 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 223/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự Quận A, kết luận:

- 01 túi xách màu đen mặt ngoài có dòng chữ "CHARLES & KEITH" và 01 ví đựng tiền không rõ nhãn hiệu. Không đủ cơ sở để định giá.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S màu xanh, có số imei 1: 865222043167257, số imei 2: 865222043167240, tài sản đã qua sử dụng. Giá trị: 1.350.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu hồng, có số imei: 354834093829947. Giá trị: 2.900.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 02 (hai) tờ tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 USD (một trăm Đô la Mỹ) có đặc điểm như sau: 01 (một) tờ tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) mệnh giá tờ tiền là 100 USD (một trăm đô la Mỹ) có số seri JL1791146, trên tờ tiền có dòng chữ "ONE HUNDERED DOLLARS"; 01 (một) tờ tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) mệnh giá tờ tiền là 100 USD (một trăm đô la Mỹ) có số seri: LE69785447A, trên tờ tiền có dòng chữ "ONE HUNDERED DOLLARS";

- 01 (một) túi xách màu đen mặt ngoài có dòng chữ "CHARLES & KEITH";

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S màu xanh, có số imei 1: 865222043167257; số imei 2: 865222043167240;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu hồng, có số imei: 354834093829947.

- 01 ví đựng tiền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại.

- Tiền ngân hàng N3 5.000.000 đồng (Trong đó có 4.600.000 đồng thu của Trần Văn N và 400.000 đồng N nộp để khắc phục hậu quả).

* Đồ vật tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 95E1-147.84, số khung: RLCSIFC10DY026668, số máy: 1FC1026679. Qua xác minh do anh Phạm Duy B, chỗ ở: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký. Anh B đem xe cầm cố tại tiệm C, địa chỉ: Xã T, huyện H của anh Lương Văn D1 nhưng không có tiền chuộc. Ngày 15/6/2020 anh Trần Trung H là con trai của bị can N mua thanh lý từ tiệm cầm đồ T để làm phương tiện đi lại, sau đó cho Trần Văn N mượn để chạy xe ôm, anh H không biết bị can N sử dụng xe vào việc phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H quản lý và sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Võ Thị L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Như Quỳnh N2 yêu cầu Trần Văn N trả lại số tiền 5.000.000 đồng mà chị N2 đã đòi cho N 200 USD.

Tại bản cáo trạng số 318/CT-VKS, ngày 29/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố Trần Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 sau khi luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn N về tội trộm cắp tài sản. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 09 tháng (chín tháng) đến 12 tháng (mười hai tháng) tù.

Đề nghị trả lại cho chị N2 5.000.000 đồng tiền ngân hàng N3 (Trong đó có 4.600.000 đồng thu của Trần Văn N và 400.000 đồng N nộp để khắc phục hậu quả).

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội và bị cáo đã già yếu nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng tại phiên tòa: Bà Võ Thị L là bị hại, anh Trần Trung H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Duy B và ông Lương Văn D1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quá trình điều tra các đương sự trên đã có lời khai. Việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và hình phạt:

[3.1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và bị hại tại cơ quan điều tra, hình ảnh nhận dạng, bản ảnh, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 55 phút ngày 10/7/2024, tại trước địa chỉ số C đường T, phường T, Quận A, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, Trần Văn N đã lén lút chiếm đoạt 01 túi xách màu đen của bà Võ Thị L, bên trong có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu xanh; 01 bóp (ví) bên trong chứa 02 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 đô la Mỹ). Tài sản N chiếm đoạt có tổng giá trị là: 9.099.400 đồng theo công văn số 3049/HCM-QLNHV ngày 29/8/2024, của Ngân hàng N3 chi nhánh Thành phố H xác định tỷ giá trung tâm của Đ với Đô la Mỹ, áp dụng ngày 10/7/2024 và Bản kết luận định giá tài sản số 223/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự Quận

A. Hành vi trên của Trần Văn N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 318/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo chỉ gây thiệt hại về tài sản và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội trộm cắp tài sản còn có thể bị phạt tiền. Xét bị cáo là người cao tuổi, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) tờ tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) mệnh giá mỗi tờ tiền là 100 USD (một trăm Đô la Mỹ) có số seri JL1791146 và LE69785447A; 01 (một) túi xách màu đen mặt ngoài có dòng chữ "CHARLES & KEITH"; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5S màu xanh có số imei 1: 865222043167257, số imei 2: 865222043167240; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu hồng có số imei: 354834093829947; 01 ví đựng tiền. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Võ Thị L là phù hợp.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng (Trong đó có 4.600.000 đồng thu của bị cáo Trần Văn N và 400.000 đồng N nộp để khắc phục hậu quả), là số tiền của chị Nguyễn Như Q1 Nhưng trả cho Trần Văn N khi mua 200 USD từ N. Công an phường T, Quận A đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính chị N2 về hành vi "Mua, bán ngoại tệ giữa cá nhân với nhau mà ngoại tệ mua, bán có giá trị dưới 1.000 USD (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương)" theo quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng với hình thức cảnh cáo, không có hình phạt bổ sung, nên căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại 5.000.000 đồng cho chị Nguyễn Như Quỳnh N2.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 95E1-147.84, số khung: RLCSIFC10DY026668, số máy: 1FC1026679. Qua xác minh do anh Phạm Duy B đứng tên đăng ký. Anh B đem xe cầm cố tại tiệm C, địa chỉ: Xã T, huyện H của anh Lương Văn D1 nhưng không có tiền chuộc. Ngày 15/6/2020 anh Trần Trung H là con trai của bị can N mua thanh lý từ tiệm cầm đồ T để làm phương tiện đi lại, sau đó cho Trần Văn N mượn để chạy xe ôm, anh H không biết N sử dụng xe vào việc phạm

tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Trung H quản lý và sử dụng là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[6] Những vấn đề khác: Đối với chị Nguyễn Như Quỳnh N2 có hành vi mua lại 200 USD của bị cáo, chị N2 không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2 không xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị N2 là có cơ sở.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về mức án Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xem xét, bị cáo là người cao tuổi nên việc xử phạt bị cáo mức án thấp hơn Viện Kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe và giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. **(thể hiện tính nhân đạo của pháp luật).**

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; khoản 1, khoản 3 Điều 329, Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 07 tháng (bảy tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn N theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo Trần Văn N.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho chị Nguyễn Như Q1 Nhung số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

(Chi tiết vật chứng theo Phiếu thu số 267 (số CTGS: 0308) ngày 08/10/2024 của Công an Q2).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Công an Quận 12;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp